

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 3.000 con heo thịt tại xã Minh Thắng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Trần Thị Nhoan làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 11/CV-TTN ngày 08 tháng 5 năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 215/TTr-STNMT ngày 23 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Trần Thị Nhoan (sau đây gọi là Chủ dự án) (địa chỉ: tổ 2, ấp 5, xã Minh Thắng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 3.000 con heo thịt tại xã Minh Thắng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng trang trại chăn nuôi heo công nghiệp, quy mô 3.000 con heo thịt.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Minh Thắng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 3801252413 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 5 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 3801252413.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: Khoảng 19.878,5 m².

- Quy mô: 3.000 con heo thịt.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chăn nuôi Trần Thị Nhoan:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chăn nuôi Trần Thị Nhoan có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc

tái sử dụng nước thải, xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 29 tháng 5. năm 2023 đến ngày 29 tháng 5. năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử;
 - Như Điều 4;
 - LĐ VP, Phòng Kinh tế;
 - Công ty TNHH Chăn nuôi
- Trần Thị Nhoan;
- Lưu: VT(BH-35-GPMT-28/5). 7/10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số .69../GPMT-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích rửa chuồng, làm mát và tưới cây trong phạm vi dự án theo quy định của pháp luật, không xả thải trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống đường ống PVC có kích thước Ø90 mm, dài khoảng 223 m. Nước từ quá trình tắm giặt, rửa tay chân được dẫn vào hồ sinh học bằng hệ thống đường ống PVC có kích thước Ø90 mm, dài khoảng 150 m. Chủ dự án xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn (tại nhà ở công nhân và bếp ăn) với thể tích mỗi bể là 03 m³.

- Nước sát trùng xe và công nhân sẽ được dẫn về hồ chứa nước thải sau xử lý bằng đường ống uPVC Ø60 mm, dài 250 m.

- Nước từ quá trình ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống nhựa Ø90 mm dài khoảng 28 m.

- Nước thải chăn nuôi được thu gom bằng hệ thống mương dẫn bằng bê tông, mương hở (kích thước: sâu 0,5 m, rộng 0,5 m, tổng chiều dài khoảng 590 m) dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án khoảng 31,6 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn → Hàm biogas; Nước rửa tay, rửa chân → Hồ sinh học; Nước sát trùng xe và công nhân → Hồ chứa nước thải sau xử lý; Nước thải từ máy ép phân → Hàm biogas; Nước thải chăn nuôi → Hồ CT → Hàm biogas → Hồ sinh học → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích rửa chuồng, làm mát và tưới cây trong phạm vi dự án theo quy định của pháp luật, không được phép xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Ngoài ra theo đề nghị của Chủ dự án thì nước thải sau xử lý đạt thêm QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Trong đó: nước thải tái sử dụng để rửa chuồng là $15 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, để làm mát là $04 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, để tưới cây là $12,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Công suất thiết kế hệ thống: $60 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: NaOH, PAC, polymer, NaOCl.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hàm biogas: Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khí gas phát sinh từ hàm biogas được thu gom, dùng vào mục đích sinh hoạt và phần còn dư được đốt bỏ có kiểm soát.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải được bơm về hàm biogas để xử lý lại.

1.5. Vị trí, phương thức và chế độ tưới cây:

- Vị trí tưới cây: Khu đất thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn Dũng được UBND huyện Chơn Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H01845 ngày 22 tháng 4 năm 2005, chỉnh lý biến động ngày 30/9/2020. Công ty TNHH Chăn nuôi Trần Thị Nhoan thực hiện thủ tục về đất đai để thực hiện dự án (Công ty TNHH Chăn nuôi Trần Thị Nhoan đã thực hiện đo đạc chỉnh lý khu đất, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước ký duyệt ngày 27 tháng 5 năm 2022).

- Lưu lượng tưới lớn nhất: Khoảng $12,6 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Phương thức tưới: Nước thải được lưu chứa trong hồ chứa nước sau xử lý (thể tích khoảng 1.350 m^3) đến ngày 01 tháng 7 năm 2023. Sau ngày 01 tháng 7 năm 2023, Chủ dự án dùng máy bơm để bơm nước từ hồ chứa nước sau xử lý thông qua hệ thống ống dẫn để tưới cây trong khu vực dự án.

- Chế độ tưới: Nước thải được tưới gián đoạn với định mức tưới $03 - 10 \text{ lít/m}^2/\text{lần}$, tần suất tưới 03 lần/tuần vào mùa nắng và 02 lần/tuần vào mùa mưa.

- Chất lượng nước thải trước khi tưới tiêu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Ngoài ra, theo đề nghị của Chủ dự án thì nước thải sau xử lý đạt thêm QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Thời gian áp dụng tưới cây: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12 năm 2023 đến tháng 02 năm 2024.

2.2. Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế $60 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải, công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chỉ tiêu phân tích: pH, COD, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng, N tổng, coliform, coli phân, salmonella, Cl⁻, As, Cd, Cr, Hg, Pb, E.coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng. Ngoài ra, theo đề nghị của Chủ dự án thì nước thải sau xử lý đạt thêm QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và

Môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý nước thải: Việc quan trắc nước thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp. Trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt QCVN 01-14:2010/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học và QCVN 01-195:2022/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng trước khi được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích rửa chuồng, làm mát và tưới cây trong phạm vi dự án theo quy định của pháp luật, không được phép xả thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố với hệ thống xử lý nước thải. Ngoài ra, theo đề nghị của Chủ dự án thì nước thải sau xử lý đạt thêm QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Chủ dự án phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .69../GPMT-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 552066; Y = 1269875 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $1.494 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn (chỉ phát sinh khi chạy máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($k_p = 1$, $k_v = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	240	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.200		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	600		
4	Nito oxit, NO_2 (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	1.020		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có): Dự án không thuộc đối tượng phải lắp thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

3.1. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p = 1$, $k_v = 1,2$) trước khi xả ra môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Chủ dự án phải trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải; lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 69./GPMT-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn số 01: Máy phát điện

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số 01: Tọa độ X = 552066; Y = 1269875 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $106^{\circ}15'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân

bằng của động cơ máy phát điện).

2.3. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 69./GPMT-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/tháng)	Mã chất thải nguy hại
1	Hộp chứa mực in thải	Rắn	0,2	08 02 04
2	Chất thải lây nhiễm (gồm chất thải sắc nhọn)	Rắn/Lỏng	1	13 02 01
3	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/Lỏng	2,6	14 02 02
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	1	16 01 06
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	4	17 02 03
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	3	18 01 03
7	Bao bì mềm thải	Rắn	5	18 01 01
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	3	18 02 01
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	0,2	16 01 12
Tổng			20	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Phân heo	2.337,3 kg/ngày
2	Xác heo chết không do dịch bệnh	15 kg/ngày
3	Bùn thải	88 kg/ngày
4	Tấm làm mát thải bỏ	129,6 kg/năm
5	Bao bì cám dự trữ	76,32 kg/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	12
Tổng khối lượng		12

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 21 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hồ thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: Diện tích kho: 20 m², kết cấu công trình khung kèo tổ hợp tôn, tường bao che xây gạch, nền láng xi măng.

Đối với phân heo: Phân heo được chứa trong nhà chứa phân với diện tích là 35 m². Kết cấu: Nền xi măng, cột bê tông cốt thép, tường xây kín tô 02 mặt quét sơn nước, mái lợp tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có kho lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

Công trình tự xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Loại chất thải tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh.

- Khối lượng chất thải tự xử lý: 15 kg/ngày.

- Tóm tắt quy trình công nghệ tự xử lý: Heo chết không do dịch bệnh → Thu gom → Hầm huỷ xác.

Chủ dự án xây dựng 01 hầm huỷ xác có diện tích 24 m², kích thước: dài x rộng x sâu = 6 m x 4 m x 4 m, thể tích của hầm huỷ xác là 96 m³, có kết cấu bê tông chống thấm, cửa đóng kín (cửa để bỏ heo chết không do dịch bệnh, được xây bằng gạch, với kích thước: dài x rộng = 0,4 m x 0,4 m); kết cấu bê tông chống

thấm, cửa đóng kín. Bề mặt hầm huỷ xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 69../GPMT-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước)

Các yêu cầu đối với Chủ dự án:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.
3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.
6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.
7. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án./.